

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 18 tháng 5 năm 2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Ông Trịnh Xuân Thập

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: số nhà 4/29, đường S, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: số nhà 26/19, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công M tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2012 (số 57/2012; quyển số 02/2011). Sau khi kết hôn, chị theo anh M về ở cùng nhà với cha, mẹ chồng ở ấp B, xã T, Huyện V. Trong thời gian sống chung, do bất đồng trong quan điểm sống nên giữa chị và anh M thường xuyên có lời qua, tiếng lại (cãi nhau) làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 5/2013, chị bỏ về

sống với cha mẹ đẻ và kể từ đó chị với anh M sống ly thân cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân, anh M không hề thăm hỏi, quan tâm gì đến chị. Đồng thời, sự tin tưởng, tình yêu thương của chị dành cho anh M không còn. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Chị và anh M chưa có con chung, không có nợ chung; chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh M nhưng anh M không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần Thông báo, triệu tập anh M đến Tòa án để lấy lời khai đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M không đến Tòa án làm việc. Do vậy không có lời trình bày của anh M.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của anh M, chị T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn. Chị T khai chị và anh M không có con chung, không có nợ chung. Anh M đã biết nhưng cũng không có ý kiến gì về những vấn đề này; không ai yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên không phải đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh M cư trú cùng cha, mẹ tại ấp B, xã T, huyện V. Cán bộ Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đã đến nhà anh M để tổng đạt “Thông báo về việc thụ lý vụ án” và “Giấy triệu tập” tới Tòa án làm việc nhưng do anh M đi vắng nên Tòa án đã giao các văn bản tố tụng này cho cha, mẹ anh M (Thể hiện tại các bút lục số: 19, 24). Cha, mẹ của anh M là người ở cùng anh M và cam kết sẽ giao ngay các văn bản này lại cho anh M. Đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng này tại căn nhà nơi anh M cư trú và tại trụ sở UBND xã T, tại trụ sở Tòa án (Thể hiện tại các bút lục số: 20, 21, 22) nhưng anh M không có ý kiến trả lời, không gửi tài liệu, chứng cứ đến Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc như Tòa án đã yêu cầu. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ một số “Giấy triệu tập” và “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải” cho anh M (Thể hiện tại các bút lục số: 34,39) nhưng anh M vẫn không đến Tòa án tham gia phiên họp. Do anh M đã được Thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Tòa án tiếp tục tiến hành tổng đạt hợp lệ “Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải”, “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” và “Quyết định hoãn phiên tòa” cho anh M (Thể hiện tại các bút lục số: 44, 51) theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị T yêu cầu ly hôn với anh M, đồng thời trình bày vợ chồng chưa có con chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các thông báo mà anh M đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh M không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị T và kết quả xác M tại địa phương (bút lục số 30) thì thấy cuộc sống chung của anh M và chị T không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, anh M và chị T đã sống ly thân thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh M đến Tòa án gặp gỡ chị T để tiến hành hòa giải nhưng anh M không đến, cho thấy anh M không có thiện chí kêu gọi chị T trở về đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh M là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Chị T cam kết chị và anh M không có con chung, không có nợ chung. Chị T không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Anh M đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của chị T nhưng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh M, chị T trong vụ án này.

[2.3] Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thủy T.

Chị Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với anh Nguyễn Công M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002279 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.huyện Vĩnh Cửu;
- Thi hành án DS h.Vĩnh Cửu;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Bá Diễn

